VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

(Tiếp theo Công báo số 439 + 440)

Chương V
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, NGÂN HÀNG LƯU KÝ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 73. Các quy định chung về ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát do công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.

2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

3. Nếu phát sinh các trường hợp khiến cho ngân hàng giám sát không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 117 Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 Điều này, trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh, ngân hàng giám sát phải thông báo cho công ty quản lý quỹ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Để giám sát hoạt động của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát phải có tối thiểu 02 nhân viên có các chứng chỉ sau:

a) Chứng chỉ chuyên môn về pháp luật chứng khoán;

b) Chứng chỉ chuyên môn cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; hoặc đã có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đã thi đạt chứng chỉ quốc tế về phân tích đầu tư chứng khoán CFA từ bậc 1 trở lên (Chartered Financial Analyst level 1), CIIA từ bậc 1 trở lên (Certified International Investment Analyst level 1); hoặc chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán cấp tại các quốc gia là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD);

c) Chứng chỉ kế toán, hoặc kiểm toán; hoặc chứng chỉ kế toán trưởng hoặc đã có các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants) hoặc bằng đại học trở lên chuyên ngành kế toán, kiểm toán;

d) Thẻ thẩm định viên về giá; hoặc đã thi đạt các môn trong kỳ thi thẩm định viên về giá: Nguyên lý hình thành giá cả thị trường; nguyên lý căn bản về thẩm định giá; thẩm định giá bất động sản và thẩm định giá trị doanh nghiệp (đối với nhân viên thực hiện giám sát quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản).

Điều 74. Hoạt động lưu ký của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát được lựa chọn tổ chức tài chính ở nước ngoài có chức năng lưu ký tài sản làm tổ chức lưu ký phụ để lưu ký các tài sản ở nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán được đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật. Hoạt động ủy quyền lưu ký phải tuân thủ các quy định sau:

a) Tổ chức lưu ký phụ phải là thành viên lưu ký theo quy định của pháp luật nước ngoài;

b) Hoạt động ủy quyền phải được quy định tại Điều lệ của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;

c) Hoạt động ủy quyền lưu ký phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tổ chức lưu ký phụ. Hợp đồng phải quy định rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm giữa ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tổ chức lưu ký phụ. Tổ chức lưu ký phụ chỉ thực hiện theo lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

d) Tài sản lưu ký phải được xác định rõ là tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ;

đ) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức lưu ký phụ cũng như chịu mọi chi phí phát sinh liên quan tới việc ủy quyền thực hiện các hoạt động giám sát, lưu ký tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

e) Tổ chức lưu ký phụ ở nước ngoài có quyền tái lưu ký tài sản tại tổ chức lưu ký chứng khoán mà họ là thành viên, theo quy định của nước sở tại. Tài sản của quỹ phải được tổ chức lưu ký phụ đăng ký quyền sở hữu thuộc về quỹ theo quy định của pháp luật liên quan;

g) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát phải có đầy đủ thông tin về tất cả tài sản thuộc sở hữu của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán bao gồm loại, khối lượng, nơi lưu ký, lưu kho tài sản và các tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản của quỹ. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm giám sát bảo đảm tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khán phải được đăng ký sở hữu thuộc về quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; lưu ký để luôn có thể nhận diện, xác nhận là tài sản thuộc sở hữu của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

2. Trách nhiệm của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát trong hoạt động lưu ký tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán:

a) Yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện việc đăng ký tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán dưới tên của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong thời gian sớm nhất theo các điều khoản hợp đồng kinh tế giữa quỹ, công ty đầu tư chứng khoán (thông qua công ty quản lý quỹ) và đối tác và theo các quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm toàn bộ tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam phải được đăng ký sở hữu thuộc quỹ và lưu ký đầy đủ tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Trường hợp tài sản có đăng ký sở hữu, thì đăng ký, ghi nhận dưới tên chủ sở hữu là quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận dưới tên của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời, lưu ký tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản phải được lưu ký và gửi kho quỹ đầy đủ tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, trừ trường hợp là chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tập trung. Trường hợp tài sản là bất động sản, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát phải bảo đảm có đầy đủ tài liệu pháp lý về quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định. Trường hợp là chứng khoán phát hành dưới hình thức ghi sổ, hoặc việc chuyển quyền sở hữu cho quỹ chưa hoàn tất, bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng giao dịch và chứng từ giao dịch phải được lưu ký tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

Trường hợp tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ được lập theo quy định có liên quan tại khoản 2 Điều 79, khoản 1 Điều 80 Thông tư này, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Ban đại diện quỹ;

- Trường hợp là loại tài sản không phải đăng ký sở hữu thì bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng giao dịch và chứng từ giao dịch phải được lưu ký tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.

- Trường hợp là tiền gửi ngân hàng, hợp đồng tiền gửi, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu công ty quản lý quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

- Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định tại điểm g khoản 1 Điều này;

b) Quản lý và lưu ký tách biệt tài sản của từng quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; tách biệt tài sản của các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán với tài sản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tách biệt với các tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Mỗi quỹ, công ty đầu tư chứng khoán được mở một tài khoản lưu ký chứng khoán riêng biệt, tách biệt với tài khoản lưu ký chứng khoán của các cá nhân, tổ chức khác, kể cả là của công ty quản lý quỹ;

c) Công ty quản lý quỹ là đại diện được ủy quyền thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán. Việc chuyển giao tài sản của quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của công ty quản lý quỹ theo đúng quy định tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

d) Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, các tài khoản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán;

đ) Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ, kể cả các thủ tục thanh, quyết toán thuế đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

e) Xác nhận các báo cáo về tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại ngân hàng;

g) Tham gia và cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán dưới dạng vật chất hoặc phi vật chất, đăng ký sở hữu dưới tên của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán hoặc không dưới tên quỹ, công ty đầu tư chứng khoán (trong trường hợp tài sản không đăng ký sở hữu theo quy định của pháp luật), được lưu ký tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tổ chức lưu ký phụ (nếu có), là tài sản thuộc sở hữu của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán không phải là tài sản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc công ty quản lý quỹ. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát không được sử dụng tài sản của quỹ để thanh toán, bảo lãnh thanh toán cho các khoản nợ của mình hoặc cho bên thứ ba, kể cả cho công ty quản lý quỹ.

4. Các giao dịch cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trên tài khoản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, kể cả các hoạt động nhận tiền, thanh toán giao

dịch, nhận cổ tức, lãi trái phiếu và các khoản thu nhập khác, phải được xác định rõ là thuộc về quỹ, công ty đầu tư chứng khoán. Trường hợp giao dịch trên tài khoản hoặc đứng danh của tổ chức lưu ký phụ theo pháp luật có liên quan, các giao dịch này và tài sản trong giao dịch phải được xác định rõ là thuộc về quỹ, công ty đầu tư chứng khoán thông qua ngân hàng giám sát.

5. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát phải có hệ thống kỹ thuật phù hợp để tự động tiếp nhận, theo dõi, thực hiện và hạch toán các giao dịch liên quan tới tài sản trên tài khoản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán ngoại trừ trường hợp có những chỉ thị cụ thể khác bằng văn bản của công ty quản lý quỹ. Hệ thống này phải đảm bảo đáp ứng các nội dung cơ bản sau:

a) Ghi nhận toàn bộ, đầy đủ, chính xác, kịp thời tài sản của các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và các thay đổi liên quan tới tài sản của các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

b) Thu, chi, hạch toán cổ tức, lãi trái phiếu, lãi vốn và các khoản thu nhập;

c) Hạch toán chứng khoán, chứng chỉ quỹ trong các giao dịch mua lại, phát hành thêm hoặc chuyển đổi.

6. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong trường hợp làm thất thoát tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đã lưu ký và gửi kho quỹ tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, kể cả trong trường hợp do lỗi hoặc hành vi lừa đảo của nhân viên của ngân hàng, hoặc do sự không cẩn thận của ngân hàng.

7. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong trường hợp tổ chức lưu ký phụ làm thất thoát tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trừ trường hợp:

a) Thuộc các trường hợp bất khả kháng, nằm ngoài sự kiểm soát của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát mà đã được quy định rõ về việc miễn trừ trách nhiệm đối với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát theo các điều khoản liên quan tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

b) Tổ chức lưu ký phụ có trách nhiệm bồi thường cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng lưu ký phụ có điều khoản cho phép công ty quản lý quỹ thay mặt cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán yêu cầu tổ chức lưu ký phụ phải bồi thường theo hợp đồng;

c) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm thẩm định và các hoạt động liên quan tới việc ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật.

8. Trường hợp ngân hàng lưu ký cung cấp dịch vụ giám sát cho quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ thì ngân hàng lưu ký chỉ thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho thành viên góp vốn theo quy định tại hợp đồng giám sát, không cần thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các hoạt động giám sát quy định tại Điều 75 Thông tư này.

Điều 75. Hoạt động giám sát quỹ của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của công ty quản lý quỹ có liên quan tới quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát.

2. Trách nhiệm của ngân hàng giám sát trong hoạt động giám sát đầu tư của công ty quản lý quỹ đối với tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán:

a) Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một cổ phiếu là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ, công ty đầu tư chứng khoán với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;

đ) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại Thông tư này, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

e) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ lập.

3. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ quy định pháp luật của công ty quản lý quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

5. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.

6. Ngân hàng giám sát được cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán cho công ty quản lý quỹ. Bộ phận cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng tại ngân hàng giám sát phải tách biệt về tổ chức nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử khách hàng, đối với các bộ phận thực hiện

chức năng giám sát và các bộ phận kinh doanh khác của ngân hàng giám sát. Bộ phận cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng phải có nhân viên có chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kiểm toán hoặc kế toán hoặc các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants) hoặc bằng đại học trở lên chuyên ngành kế toán, kiểm toán.

7. Trường hợp công ty quản lý quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại khoản 6, 7 Điều 24, khoản 6 Điều 35, khoản 6 Điều 45, khoản 6, 7 Điều 51, khoản 2 Điều 67 Thông tư này, ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ngân hàng giám sát gửi thông báo cho công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp này, ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của công ty quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ quỹ.

8. Trường hợp công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư, cổ đông theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan, ngân hàng giám sát phải phối hợp với công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư, cổ đông theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

9. Cơ chế phối hợp giữa ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ trong việc rà soát hoạt động của đại lý chuyển nhượng thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên,

trong đó bảo đảm trách nhiệm của công ty quản lý quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật.

10. Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký chấm dứt cung cấp dịch vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong các trường hợp sau:

a) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;

b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

c) Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

d) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của quỹ, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán.

11. Trường hợp thay đổi ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thông qua công ty quản lý quỹ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán. Quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thay thế. Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thay thế phải lập và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao giữa hai ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký có xác nhận của công ty quản lý quỹ và Ban đại diện quỹ hoặc Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán.

12. Trường hợp ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.

Điều 76. Đại lý phân phối

1. Đại lý phân phối của quỹ đóng, quỹ mở, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công

ty đầu tư chứng khoán đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng với công ty quản lý quỹ.

2. Đại lý phân phối của quỹ ETF là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ ETF với công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ.

3. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được:

a) Làm đại lý ký danh;

b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi đại lý phân phối, công ty quản lý quỹ phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo các tài liệu sau:

a) Thông báo về việc thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, địa điểm phân phối;

b) Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ do công ty quản lý quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của quỹ khác do công ty quản lý).

6. Trường hợp đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối hoặc hợp đồng phân phối hết hiệu lực, công ty quản lý quỹ có

trách nhiệm thông báo trước cho nhà đầu tư đồng thời chỉ định đại lý phân phối thay thế (nếu có).

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối.

8. Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:

a) Theo quyết định của đại lý phân phối;

b) Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

c) Địa điểm phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định;

d) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.

9. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 8 Điều này, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho công ty quản lý quỹ và nhà đầu tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

10. Công ty quản lý quỹ được phân phối chứng chỉ quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 77. Hoạt động của đại lý phân phối

1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:

a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;

b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư;

c) Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định tại Điều 15 Thông tư này;

d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ;

đ) Hỗ trợ công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư;

e) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Hoạt động của đại lý ký danh bao gồm:

a) Thực hiện chức năng đại lý phân phối quy định tại khoản 1 Điều này đối với nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của nhà đầu tư;

b) Lập và quản lý sổ phụ đối với nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

c) Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ nhà đầu tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của đại lý phân phối quy định tại Thông tư này.

3. Chức năng của đại lý ký danh phải được nêu đầy đủ tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Đại lý ký danh phải tuân thủ quy định sau:

a) Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của đại lý ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của nhà đầu tư tại sổ phụ. Các nhà đầu tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số đơn vị quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà đầu tư có quyền yêu cầu đại lý ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số đơn vị quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của nhà đầu tư (nếu có);

b) Đại lý ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng nhà đầu tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của nhà đầu tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý ký danh muốn giao dịch chứng chỉ quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ độc lập với tài khoản ký danh;

c) Đại lý ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư trên tài khoản ký danh; không được nhận ủy quyền của nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo yêu cầu của nhà đầu tư;

d) Đại lý ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ tại ngân hàng giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Đại lý ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư hoặc trả lại tiền cho đúng nhà đầu tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu.

4. Ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, công ty quản lý quỹ, đại lý ký danh phải xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản ký danh, bảo đảm:

a) Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng nhà đầu tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Tiền (nếu có) của nhà đầu tư không bị lạm dụng hoặc bị sử dụng mà chưa được ủy quyền của nhà đầu tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho nhà đầu tư trong thời hạn 24 giờ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ quỹ hoặc từ nhà đầu tư tham gia vào quỹ, đại lý ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho nhà đầu tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc thanh toán cho quỹ theo chỉ thị của nhà đầu tư.

Điều 78. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm

quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.

5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với công ty quản lý quỹ.

7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối chưa đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

8. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hằng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm của công ty quản lý quỹ.

Chương VI
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 79. Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin

1. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm nhà đầu tư truy xuất được thông tin về thống kê giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Thông

tư này. Trong trường hợp nhà đầu tư yêu cầu, công ty quản lý quỹ phải gửi thống kê giao dịch, số dư tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của nhà đầu tư.

2. Công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo định kỳ về hoạt động quản lý tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý như sau:

a) Báo cáo định kỳ hàng tuần về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm về hoạt động đầu tư của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo 6 tháng và năm về tổng kết hoạt động quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, bao gồm các nội dung cơ bản quy định tại Phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo tài chính quý; báo cáo tài chính 6 tháng đã được soát xét, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của các quỹ, các công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về kế toán đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

3. Công ty quản lý quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho nhà đầu tư, cổ đông:

a) Báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt.

4. Các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư, cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư, cổ đông hoặc các hình thức khác quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Nhà đầu tư, cổ đông có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp nhà đầu tư, cổ đông có yêu cầu, công ty quản lý quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

5. Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn phải cung cấp thông tin cho nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều này;

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), nhân viên nghiệp vụ của công ty đầu tư chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo về việc thay đổi, tuyển dụng, bổ nhiệm nhân sự phải kèm theo hồ sơ cá nhân của nhân sự thay thế và các tài liệu có liên quan xác minh nhân sự thay thế đáp ứng điều kiện theo quy định.

7. Thời hạn nộp các báo cáo:

a) Đối với báo cáo tuần: Là ngày làm việc đầu tiên của tuần kế tiếp hoặc trong vòng 03 ngày làm việc sau ngày định giá (đối với quỹ mở);

b) Đối với báo cáo tháng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng;

c) Đối với báo cáo quý: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý;

d) Đối với báo cáo 6 tháng: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm;

đ) Đối với báo cáo năm: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

8. Thời gian chốt số liệu đối với báo cáo định kỳ quy định tại khoản 2, 3 Điều này như sau:

a) Đối với báo cáo tuần: Tính từ ngày đầu tiên của tuần báo cáo đến ngày cuối cùng của tuần báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);

b) Đối với báo cáo tháng: Tính từ ngày đầu tiên của tháng báo cáo đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);

c) Đối với báo cáo quý: Tính từ ngày đầu tiên của quý báo cáo đến ngày cuối cùng của quý báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);

d) Đối với báo cáo 6 tháng: Tính từ ngày 01 tháng 01 kỳ báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 kỳ báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);

đ) Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);

e) Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thời gian hoạt động chưa đủ một kỳ báo cáo thì kỳ báo cáo tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này.

9. Công ty quản lý quỹ gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo dưới hình thức văn bản điện tử hoặc văn bản giấy.

10. Ngoài các trường hợp báo cáo quy định tại Điều này, trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích nhà đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể yêu cầu công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán báo cáo về hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán.

11. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 48 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo quy định tại khoản 10 Điều này.

12. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải lưu trữ toàn bộ tài liệu chứng từ về hoạt động đầu tư của quỹ theo quy định về tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

13. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, tổ chức kiểm toán, Ban đại diện quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin về hoạt động của quỹ, thông tin về nhà đầu tư, không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba, ngoại trừ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 80. Nghĩa vụ báo cáo của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát phải lập và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo giám sát tháng, quý, năm về hoạt động quản lý tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVII ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo giám sát của ngân hàng giám sát phải đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán như sau:

a) Đánh giá tính tuân thủ của công ty quản lý quỹ trong hoạt động đầu tư, giao dịch của các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

b) Đánh giá việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, trong đó nêu chi tiết những trường hợp định giá sai tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán (nếu có);

c) Việc phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ, chào bán cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán, hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu;

d) Các vi phạm (nếu có) của công ty quản lý quỹ và kiến nghị hướng giải quyết, khắc phục.

2. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ khi vi phạm được phát hiện trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ không tuân thủ hạn mức đầu tư dẫn tới các sai lệch của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, vi phạm các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Thiệt hại từ hoạt động quản lý tài sản do công ty quản lý quỹ gây ra là quá lớn và chi phí giải quyết hậu quả là quá cao;

c) Các trường hợp khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Ngân hàng giám sát phải tiếp tục báo cáo các vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong báo cáo giám sát định kỳ tháng, quý, năm trong thời gian vi phạm chưa được khắc phục và lập báo cáo trong vòng 24 giờ khi vi phạm đã được khắc phục.

4. Ngân hàng giám sát phải tuân thủ quy định áp dụng đối với công ty quản lý quỹ tại khoản 7, 8, 9, 10, 11 Điều 79 Thông tư này.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 81. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, thay thế các Thông tư: Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở; Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở; Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên; Thông tư số 227/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán; Thông tư số 228/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư bất động sản; Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục. Bãi bỏ Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và khoản 2 Điều 7 Thông tư số 91/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về chế độ báo cáo và thủ tục hành chính áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán.

2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan, trình Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán gần nhất kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thông qua.

3. Các quy định đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tại Thông tư này do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện cho đến khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thành lập và chính thức hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

4. Các quy định đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con tại Thông tư này do các Sở giao dịch chứng khoán thực hiện cho đến khi Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con được thành lập và chính thức hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Điều 82. Tổ chức thực hiện

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

Phụ lục I

MẪU ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán
2. Nghị định
3. Thông tư

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

"Quỹ "	Là Quỹ đầu tư....., thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng (nếu có), được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
"Công ty quản lý quỹ"	Nghĩa là Công ty quản lý quỹ... được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số... do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày...., Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... Công ty quản lý quỹ.... được ủy thác quản lý quỹ...., có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại..... Điều lệ này.
"Ngân hàng giám sát"	(sau đây gọi tắt là ngân hàng.....) Nghĩa là Ngân hàng..... được thành lập theo Giấy phép thành lập số.... do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày..... và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày....., cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại..... Điều lệ này.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán cho quỹ được Đại hội nhà đầu tư chỉ định, là công ty kiểm toán..., là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hằng năm tài sản của Quỹ đầu tư....

"Điều lệ quỹ..."	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
" Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là Đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
"Chứng chỉ Quỹ đầu tư....."	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
"Lô chứng chỉ quỹ" (quỹ ETF)	Một lô chứng chỉ quỹ ETF bao gồm tối thiểu 100.000 chứng chỉ quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa quỹ ETF và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá mua lại" (nếu có)	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng

	giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại (nếu có)"	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho quỹ. Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ quy định tại..... Điều lệ này.
"Cổ tức Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ,
"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ" (nếu có)	Là ngày mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ hoặc lô chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của quỹ.
"Thời điểm đóng sổ lệnh" (nếu có)	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
"Thành viên lập quỹ" (nếu có)	Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập quỹ ETF với công ty quản lý quỹ.
Tổ chức quản lý bất động sản (đối với quỹ bất động sản)	Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kinh doanh bất động sản, có uy tín, chuyên môn được Công ty quản lý quỹ..... ủy quyền thực hiện việc bảo quản, giữ gìn, vận hành và khai thác bất động sản theo hợp đồng quản lý bất động sản.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Địa chỉ liên hệ:

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ/số lô chứng chỉ quỹ chào bán

1. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là:..... VNĐ. Số vốn này được chia thành..... chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.

2. Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng giám sát.

3. Số lượng chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ được phép lưu hành tối đa (nếu có):

4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng/số lô chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ..... ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ:
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Điều 7. Ngân hàng giám sát

- Ngân hàng:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Điều 8. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (quy định này không bắt buộc có trong Điều lệ quỹ)

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng (nếu có):

- Tên tổ chức:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số..... do..... cấp ngày.....; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày..... (nếu có)
- Địa chỉ trụ sở chính:

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ (nếu có):

- Tên tổ chức:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số..... do..... cấp ngày.....; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày..... (nếu có)
- Địa chỉ trụ sở chính:

3. Các tổ chức khác (nêu rõ hoạt động được ủy quyền):

- Tên tổ chức:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số..... do..... cấp ngày.....; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày..... (nếu có)
- Địa chỉ trụ sở chính:

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9. Mục tiêu đầu tư

Điều 10. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư và các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán

4. Cơ cấu danh mục đầu tư (đối với quỹ đầu tư chứng khoán bất động sản)

Điều 11. Hạn chế đầu tư

1. Hạn mức của Quỹ được quy định chi tiết tuân thủ các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán đối với từng loại hình quỹ.

2. Các hạn chế đầu tư được phép sai lệch và nguyên nhân

3. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn.... tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.

4. Trường hợp công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ, bán khống của quỹ phải được quy định chi tiết theo các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán đối với từng loại hình quỹ.

Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ.

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu.

5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác.

Điều 14. Quản lý bất động sản trong danh mục đầu tư (áp dụng đối với quỹ đầu tư bất động sản)

Điều 15. Hoạt động giao dịch tài sản của quỹ đầu tư bất động sản

1. Giao dịch bất động sản của quỹ đầu tư bất động sản

2. Điều kiện giao dịch bất động sản với người có quyền lợi liên quan

Chương III
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 16. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là.... chứng chỉ quỹ..... trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;

b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;

e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

đ) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.

2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành *hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ quỹ quy định* có các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;

b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;

c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất..... ngày làm việc trước ngày khai mạc;

đ) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành *hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ quỹ quy định* có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc

chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 18. Điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi quỹ ETF

1. Nhà đầu tư sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp bổ sung bằng tiền theo quy định.

2. Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu.... lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu.

3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi tại thành viên lập quỹ nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

4. Điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 19. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ; mã chứng khoán niêm yết của quỹ (nếu có);

b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ;

c) Danh sách nhà đầu tư, thành viên lập quỹ (đối với quỹ ETF): họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực

cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào quỹ ETF (đối với quỹ ETF).

d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Đối với quỹ mở, quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Điều 20. Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đóng, quỹ thành viên

1. Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư.

2. Nhà đầu tư chuyển nhượng chứng chỉ quỹ thông qua giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi quỹ được niêm yết (đối với quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản) hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ quỹ (đối với quỹ thành viên).

Điều 21. Giao dịch chứng chỉ quỹ mở

1. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.

2. Tần suất giao dịch của quỹ

3. Lệnh mua

4. Lệnh bán

5. Lệnh chuyển đổi (nếu có)

6. Thời điểm đóng sổ lệnh

7. Phương thức thanh toán

Điều 22. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở, quỹ ETF

Điều 23. Giao dịch hoán đổi danh mục cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại

Điều 24. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán

Điều 25. Giá bán, giá mua lại

1. Giá phát hành lần đầu

2. Giá bán một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có).

3. Giá mua lại một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).

4. Giá dịch vụ mua lại

5. Giá dịch vụ phát hành

6. Giá dịch vụ chuyển đổi

Điều 26. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Điều 27. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Chương IV
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 28. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

2. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;

b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;

d) Phương án phân phối lợi tức;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của quỹ;

e) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;

g) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

4. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp Điều lệ quỹ có quy định, việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 29. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.

2. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 30. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ này.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

3. Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 28 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành *hoặc một tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ quỹ quy định*.

5. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp

tán thành *hoặc một tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ quỹ quy định*, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải được quy định rõ tại Điều lệ quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư.

7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành *hoặc một tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ quỹ quy định*.

8. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 31. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư quỹ mở phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 28 Điều lệ này có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 32. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có.... thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị)

2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:

a) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

b) Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ quỹ (nếu có).

3. Trong Ban đại diện quỹ phải có (áp dụng với quỹ đại chúng):

a) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

b) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu 01 thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật;

Trường hợp là quỹ đầu tư bất động sản dưới hình thức quỹ đóng thì không phải tuân thủ quy định tại điểm a khoản này mà phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, thẩm định giá bất động sản.

Điều 33. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị)

3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị

b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại... Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại... Điều lệ này.

3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.

4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Điều lệ quỹ đã có quy định và Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại... Điều lệ này.

6. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ quỹ.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 36. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị)

Điều 38. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

1. Trường hợp chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban đại diện quỹ.

2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 39. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu... tháng... lần hoặc theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước... ngày.

3. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.

4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

Điều 40. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

Chương VI
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 41. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

2. Quyền của công ty quản lý quỹ

Điều 43. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 44. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Chương VII
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.

2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;

b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;

c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;

d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;

e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;

f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ [tần suất] phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;

h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng

giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;

k) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;

l) Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

m) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

2. Quyền của ngân hàng giám sát

Điều 47. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:

a) Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công

ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;

đ) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;

e) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.

2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.

4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.

5. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các

hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 48. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định pháp luật.

Chương VIII
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 49. Các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài)

Điều 50. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Điều 51. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ.

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 52. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ.

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã uỷ quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.

4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

5. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;

7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 53. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

Chương IX
DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ ĐỘC LẬP
(áp dụng với quỹ đầu tư chứng khoán bất động sản)

Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá độc lập

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá độc lập

Điều 56. Hoạt động định giá của doanh nghiệp thẩm định giá độc lập

Chương X
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

Chương XI
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 57. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Điều 58. Năm tài chính

Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 59. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 60. Báo cáo tài chính

Điều 61. Báo cáo khác

Chương XII
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 62. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

3. Giá trị tài sản ròng của quỹ phải được xác định định kỳ... và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 63. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Điều 64. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

Điều 65. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ (áp dụng đối với quỹ mở)

1. Công ty quản lý quỹ phải đền bù thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ quỹ khi định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ, với các mức sai lệnh như sau:

a) Đạt từ 0,75% giá trị tài sản ròng trở lên trong trường hợp quỹ trái phiếu;

b) Đạt từ 1,00% giá trị tài sản ròng trở lên trong các trường hợp khác.

2. Trong trường hợp quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã bán;

b) Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

3. Trong trường hợp quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

b) Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Chương XIII
PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ, TĂNG/GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ
(áp dụng cho quỹ đóng, quỹ thành viên)

Điều 66. Phát hành thêm chứng chỉ quỹ, tăng/giảm vốn điều lệ

1. Quỹ có thể tăng vốn bằng cách gọi thêm vốn từ nhà đầu tư hiện hữu thông qua phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ. Quyền mua chứng chỉ quỹ được phép chuyển nhượng. Trường hợp nhà đầu tư hiện hữu không thực hiện quyền mua chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ được chào bán phần chứng chỉ quỹ còn dư cho các nhà đầu tư khác.

2. Việc chào bán để tăng vốn của quỹ đóng phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

3. Các phương án phát hành thêm chứng chỉ quỹ (nếu có)

4. Giảm vốn điều lệ (áp dụng cho quỹ thành viên)

Chương XIV
GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 67. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát

Điều 68. Thu nhập của quỹ

Điều 69. Chi phí hoạt động của quỹ

Điều 70. Chi phí khác (bao gồm lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác cho các thành viên Ban đại diện quỹ, giá dịch vụ kiểm toán, giá dịch vụ định giá và các chi phí khác)

Điều 71. Thưởng hoạt động và chỉ số tham chiếu (không áp dụng đối với quỹ mở)

Điều 72. Phân chia lợi tức của quỹ

Chương XV
TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 73. Hợp nhất, sáp nhập quỹ (áp dụng đối với quỹ mở, quỹ đóng)

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 74. Chia, tách quỹ mở

1. Quy định về việc chia, tách quỹ

2. Việc chia, tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 75. Giải thể quỹ

1. Quy định về việc giải thể quỹ

2. Việc giải thể quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Chương XVI
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 76. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;

- Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XVII
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 77. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư

Điều 77. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc

trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 78. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm... Chương,... Điều được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày..... tháng..... năm..... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành... bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó...

Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ lục sau:

Phụ lục 1.1: Cam kết của công ty quản lý quỹ

Phụ lục 1.2: Cam kết của ngân hàng giám sát

Phụ lục 1.3: Cam kết chung của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát

Phụ lục 1.1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:... do... cấp ngày...

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ...:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.

2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.

3. Đảm bảo Quỹ đại chúng luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.

4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:

a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;

b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;

c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ;

d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.

6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.

8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.

9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.

10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 1.2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động:... do... cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.

2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.

3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.

4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.

6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.

7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.

8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hằng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 1.3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:... do... cấp ngày...

Ngân hàng giám sát:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động:... do... cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.

2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.

3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.

4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục II

ĐIỀU LỆ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐIỀU LỆ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Chứng khoán

Nghị định

Thông tư

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

"Công ty đầu tư chứng khoán..."	Là công ty đầu tư chứng khoán thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng.
"Công ty quản lý quỹ..."	(Sau đây gọi tắt là công ty quản lý quỹ...), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày..., Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày..., thực hiện các ngành nghề kinh doanh như... Công ty quản lý quỹ được cổ đông ủy thác quản lý công ty đầu tư chứng khoán, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại... Điều lệ này.
"Ngân hàng giám sát...."	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng....) là ngân hàng thành lập theo Giấy phép số... do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày... và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày..., thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của công ty đầu tư chứng khoán, đồng thời giám sát hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại... của Điều lệ này.

"Công ty kiểm toán..."	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán), là công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hằng năm tài sản của công ty đầu tư chứng khoán....
"Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán..."	Bao gồm văn bản này, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán/phát hành hoặc niêm yết cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa công ty đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán...
"Cổ đông"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán...
"Đại hội đồng cổ đông"	Là đại hội của cổ đông có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến công ty đầu tư chứng khoán... Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty đầu tư chứng khoán...
"Hội đồng quản trị"	Là những người đại diện cho cổ đông được đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt cổ đông thực hiện việc giám sát các hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán..., công ty quản lý quỹ... và ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ này.
"Cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán..."	(Sau đây gọi là cổ phiếu) là loại chứng khoán do công ty quản lý quỹ... đại diện cho công ty đầu tư chứng khoán phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông đối với tài sản hoặc vốn của công ty đầu tư chứng khoán... theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần của cổ đông đó trong vốn điều lệ của công ty đầu tư chứng khoán....

"Giá bán"	Là mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán....
"Giá dịch vụ quản lý công ty đầu tư chứng khoán"	Là giá dịch vụ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý công ty đầu tư chứng khoán đã được quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán....
"Thưởng hoạt động"	Là mức thưởng mà công ty đầu tư chứng khoán... phải trả cho công ty quản lý quỹ nếu giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán trong giai đoạn tính thưởng hoạt động quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán vượt quá chỉ số tham chiếu một tỷ lệ phần trăm nhất định quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà công ty đầu tư chứng khoán phải trả cho công ty quản lý quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành cổ phiếu ra công chúng. Giá dịch vụ này được cộng vào mệnh giá một cổ phiếu... và thu khi phát hành và không vượt quá mức tối đa là...% mệnh giá cổ phiếu...
"Cổ tức"	Là số lợi nhuận còn lại của công ty đầu tư chứng khoán sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội đồng cổ đông quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông.
"Năm tài chính"	Là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của công ty đầu tư chứng khoán sẽ được tính từ ngày công ty đầu tư chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do công ty đầu tư chứng khoán... sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của công ty đầu tư chứng khoán... tại thời điểm định giá.

"Ngày định giá"	Là ngày ấn định để công ty quản lý quỹ... xác định giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một cổ phiếu...
"Tổ chức quản lý bất động sản (đối với công ty đầu tư chứng khoán bất động sản)	Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kinh doanh bất động sản, có uy tín, chuyên môn được Công ty quản lý quỹ..... ủy quyền thực hiện việc bảo quản, giữ gìn, vận hành và khai thác bất động sản theo hợp đồng quản lý bất động sản.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan...

Chương I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên công ty đầu tư chứng khoán và địa chỉ liên hệ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Địa chỉ liên hệ:

Điều 2. Thời hạn hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của công ty đầu tư chứng khoán

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng cổ phiếu chào bán

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán cổ phiếu

Đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ được

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ:
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Điều 7. Ngân hàng giám sát

- Ngân hàng:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

2. Cơ cấu danh mục đầu tư

3. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

- Công ty đầu tư chứng khoán đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm;

- Các lĩnh vực đầu tư cụ thể bao gồm:

4. Các loại tài sản được phép đầu tư:

Điều 10. Hạn chế đầu tư

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu

5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác

Điều 12. Quản lý bất động sản trong danh mục đầu tư (áp dụng đối với công ty đầu tư chứng khoán bất động sản)

Điều 13. Hoạt động giao dịch tài sản của quỹ đầu tư bất động sản

1. Giao dịch bất động sản của công ty đầu tư bất động sản

2. Điều kiện giao dịch bất động sản với người có quyền lợi liên quan

Chương III
CỔ ĐÔNG, SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Điều 14. Cổ đông

1. Cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán... có thể là tổ chức hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất... cổ phiếu... Cổ đông không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với công ty đầu tư chứng khoán ngoài trách nhiệm trong phạm vi số cổ phiếu mà họ sở hữu.

2. Cổ đông là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số cổ phiếu mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại có thẩm quyền của nhà đầu tư là tổ chức ký.

3. Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phiếu đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

b) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phiếu, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;

c) Quyền được tiếp nhận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

đ) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phiếu trong thời hạn quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài sản của công ty đầu tư chứng khoán trong phạm vi số tiền đã thanh toán đầy đủ khi mua cổ phiếu;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

2. Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành *hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ quỹ quy định* có các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán;

b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội đồng cổ đông, gây tổn thất cho công ty đầu tư chứng khoán;

- Hội đồng quản trị đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của công ty đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải có công văn trả lời cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản.

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán có quy định thời hạn khác;

đ) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

3. Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành *hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ quỹ quy định* có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán đối với công ty đại chúng.

4. Yêu cầu, kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phiếu nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng cổ đông, tổng số cổ phiếu của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phiếu đang lưu hành của công ty đầu tư chứng khoán; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng giám sát.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán có hiệu lực, công ty quản lý quỹ, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng xác nhận quyền sở hữu cho cổ đông công ty đầu tư chứng khoán đối với số lượng cổ phiếu đã mua và lập sổ đăng ký cổ đông với các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có) của công ty đầu tư chứng khoán; mã chứng khoán niêm yết của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có);

b) Tổng số cổ phiếu được quyền chào bán; tổng số cổ phiếu đã bán và giá trị vốn huy động được;

c) Danh sách cổ đông: họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

d) Ngày lập sổ đăng ký cổ đông.

2. Thông tin về cổ đông tại sổ đăng ký cổ đông là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu cổ phiếu của cổ đông đó.

3. Công ty quản lý quỹ, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán thực hiện việc đăng ký, lưu ký cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký chứng khoán.

4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc nơi khác và phải được thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và tất cả các cổ đông biết.

Điều 17. Chuyển nhượng cổ phiếu

1. Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.

2. Cổ đông có thể chuyển nhượng cổ phiếu thông qua giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi công ty đầu tư chứng khoán được niêm yết (đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng) hoặc theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán (đối với công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ).

Điều 18. Thừa kế cổ phiếu

1. Việc thừa kế cổ phiếu phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Công ty đầu tư chứng khoán... chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký cổ đông sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Điều 19. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của công ty đầu tư chứng khoán

Chương IV
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;

b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư; quyết định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đầu tư chứng khoán; thay đổi phương án phân phối lợi nhuận; tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

c) Sáp nhập, hợp nhất; giải thể; thay đổi vốn điều lệ; thay đổi thời hạn hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán;

d) Phương án phân phối lợi nhuận;

đ) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty đầu tư chứng khoán với cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu đang lưu hành, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó, thành viên Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán. Trong trường hợp này, cổ đông tham gia giao dịch trực tiếp không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của công ty đầu tư chứng khoán;

g) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và thành viên Hội đồng quản trị gây tổn thất cho công ty đầu tư chứng khoán;

h) Yêu cầu công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

2. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán được công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát, hoặc Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của công ty đầu tư chứng khoán;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

4. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội đồng cổ đông được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông. Chậm nhất 07 ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

5. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán như quy định tại khoản 3 Điều này thì công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty đầu tư chứng khoán (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại khoản 3 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Hội đồng quản trị hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán được tiến hành khi có số cổ đông tham gia đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông tham dự.

3. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 20 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành *hoặc tỷ lệ cao hơn do Điều lệ công ty quy định*.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện cho trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành *hoặc tỷ lệ cao hơn do Điều lệ công ty quy định*, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán bằng văn bản trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản phải được quy định rõ tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho cổ đông như trường hợp mời họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành *hoặc tỷ lệ cao hơn do Điều lệ công ty quy định*.

8. Công ty quản lý quỹ và Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán là phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty đầu

tư chứng khoán. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông là không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, thì phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Chương V
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ.... đến..... thành viên, được bầu tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc được cổ đông cho ý kiến bằng văn bản, có tối thiểu 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập, đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

b) Đáp ứng các điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải có:

a) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

b) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu 01 thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Trường hợp là công ty đầu tư chứng khoán bất động sản thì không phải tuân thủ quy định tại điểm a khoản này mà phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, thẩm định giá bất động sản.

3. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết

4. Nhiệm kỳ, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễm nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị)

Điều 23. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị)

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Đại diện cho quyền lợi của cổ đông; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của cổ đông;

2. Phê duyệt sổ tay định giá, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại... Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại... Điều lệ này; phê duyệt hồ sơ phát hành thêm cổ phiếu và các nội dung có liên quan theo thẩm quyền được giao;

3. Quyết định mức cổ tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;

4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;

5. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát; và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;

6. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị)

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác.

Điều 27. Thủ tục điều hành của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Hội đồng quản trị được chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 28. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp tối thiểu tối thiểu.... tháng..... lần hoặc theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước..... ngày.

3. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số các thành viên độc lập thông qua.

Điều 29. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

Chương VI
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 30. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền

Điều 32. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với công ty đầu tư chứng khoán của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty đầu tư chứng khoán trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với công ty đầu tư chứng khoán của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 33. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ

Chương VII
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.

2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các cổ đông công ty đầu tư chứng khoán;

b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho công ty đầu tư chứng khoán do những sai sót của ngân hàng;

c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;

d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của công ty đầu tư chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;

e) Tách bạch tài sản của công ty đầu tư chứng khoán với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;

f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của công ty đầu tư chứng khoán khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán [tần suất] phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán là chính xác;

h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của công ty đầu tư chứng khoán với công ty quản lý quỹ;

k) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của công ty đầu tư chứng khoán theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;

l) Thanh toán tiền cho cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán khi công ty đầu tư chứng khoán phân phối thu nhập hoặc khi công ty đầu tư chứng khoán thanh lý, giải thể thanh toán cho cổ đông và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

m) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số cổ phiếu phát hành, số cổ phiếu sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

2. Quyền của ngân hàng giám sát

Điều 36. Hoạt động của ngân hàng giám sát

Hoạt động lưu ký, giám sát của ngân hàng giám sát của ngân hàng giám sát thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với công ty đầu tư chứng khoán của ngân hàng giám sát

Việc thay đổi, chấm dứt, bàn giao quyền trách nhiệm của ngân hàng giám sát thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Chương VIII
DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ ĐỘC LẬP
(áp dụng với công ty đầu tư chứng khoán bất động sản)

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá độc lập

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá độc lập

Điều 40. Hoạt động định giá của doanh nghiệp thẩm định giá độc lập

Chương IX
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 41. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của công ty đầu tư chứng khoán sẽ được tính từ ngày công ty đầu tư chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 43. Chế độ kế toán

Công ty đầu tư chứng khoán sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho công ty đầu tư chứng khoán do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 44. Báo cáo tài chính

Điều 45. Báo cáo khác

Chương X
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Điều 46. Xác định giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của công ty đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán, giá trị tài sản ròng trên một cổ phiếu tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

2. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát để xác định giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

3. Giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán phải được xác định định kỳ... và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 47. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Điều 48. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán

Chương XI
PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU, TĂNG/GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Điều 49. Phát hành thêm cổ phiếu, tăng/giảm vốn điều lệ

1. Công ty đầu tư chứng khoán có thể tăng vốn bằng cách gọi thêm vốn từ cổ đông hiện hữu thông qua phát hành quyền mua cổ phiếu. Quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng. Trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cổ phiếu, công ty quản lý quỹ được chào bán phần cổ phiếu còn dư cho các cổ đông khác.

2. Việc chào bán để tăng vốn phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

3. Phương án phát hành thêm cổ phiếu

4. Giảm vốn điều lệ

Điều 50. Phân chia lợi nhuận của công ty đầu tư chứng khoán

Chương XII
HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ GIẢI THỂ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Điều 51. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập công ty đầu tư chứng khoán

1. Việc hợp nhất, sáp nhập công ty đầu tư chứng khoán chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Việc hợp nhất, sáp nhập công ty đầu tư chứng khoán phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 52. Các điều kiện giải thể công ty đầu tư chứng khoán

Điều 53. Thanh lý tài sản công ty đầu tư chứng khoán khi giải thể

Chương XIII
GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 54. Giá dịch vụ phát hành cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán

Điều 55. Thu nhập của công ty đầu tư chứng khoán

Điều 56. Giá dịch vụ quản lý công ty đầu tư chứng khoán

Điều 57. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát

1. Giá dịch vụ giám sát:

2. Giá dịch vụ lưu ký:

Điều 58. Chi phí khác (bao gồm lương/thưởng và các chế độ đãi ngộ khác cho các thành viên Hội đồng quản trị, giá dịch vụ kiểm toán, giá dịch vụ định giá và các chi phí khác)

Điều 59. Thưởng hoạt động và chỉ số tham chiếu

Chương XIV
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 60. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa công ty đầu tư chứng khoán và các khách hàng ủy thác đầu tư của công ty quản lý quỹ và giữa công ty đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý;

b) Tách biệt tài sản của công ty quản lý quỹ với tài sản của các công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của ủy thác; tách biệt tài sản của các công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ tịch công ty quản lý quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và pháp luật hiện hành;

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong công ty quản lý quỹ.

Chương XV
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 61. Công bố thông tin

Điều 62. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty đầu tư chứng khoán.

Điều 63. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm... Chương,... Điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày... tháng... năm... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành... bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó...

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

Phụ lục 1.1: Cam kết của công ty quản lý quỹ

Phụ lục 1.2: Cam kết của ngân hàng giám sát

Phụ lục 1.3: Cam kết chung của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát

Phụ lục 1.4: Phương pháp xác định thưởng hoạt động.

Phụ lục 1.1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:... do... cấp ngày...

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với công ty đầu tư...:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán trong hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý công ty đầu tư chứng khoán một cách hiệu quả, trung thực, tận tuy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông công ty đầu tư chứng khoán.

3. Đảm bảo công ty đầu tư chứng khoán luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.

4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:

a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của công ty đầu tư chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông và số lượng cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán mà cổ đông nắm giữ;

b) Các báo cáo liên quan đến công ty đầu tư chứng khoán hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán;

c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán, giá trị tài sản ròng trên một cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán;

d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán và nghĩa vụ khác.

6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các cổ đông theo yêu cầu.

7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích

trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.

8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các cổ đông công ty đầu tư chứng khoán.

9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho công ty đầu tư chứng khoán một cách trung thực, chính xác và kịp thời.

10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của công ty đầu tư chứng khoán cho các cổ đông công ty đầu tư chứng khoán theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán của công ty quản lý quỹ cho các cổ đông công ty đầu tư chứng khoán theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho cổ đông công ty đầu tư chứng khoán.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của công ty đầu tư chứng khoán có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của công ty đầu tư chứng khoán giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 1.2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động:... do... cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán trong hoạt động giám sát.

2. Đảm bảo cho công ty đầu tư chứng khoán luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.

3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với công ty đầu tư chứng khoán.

4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của công ty đầu tư chứng khoán thay cho các cổ đông; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của công ty đầu tư chứng khoán với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

5. Tách biệt tài sản của công ty đầu tư chứng khoán khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các công ty đầu tư chứng khoán khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.

6. Giám sát danh mục đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, việc định giá tài sản công ty đầu tư chứng khoán, việc xác định giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán, xác định giá trị tài sản ròng trên một cổ phiếu theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý công ty đầu tư chứng khoán của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các cổ đông công ty đầu tư chứng khoán.

8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của công ty đầu tư chứng khoán.

9. Đảm bảo công ty đầu tư chứng khoán được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hằng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 1.3
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:... do... cấp ngày...

Ngân hàng giám sát:

Số Giấy phép hoạt động:... do... cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các cổ đông công ty đầu tư chứng khoán.

2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán trong suốt thời gian hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán.

3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các vốn góp mà công ty đầu tư chứng khoán đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp mà công ty đầu tư chứng khoán góp vốn.

4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản công ty đầu tư chứng khoán hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán hoặc Bản cáo bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục 1.4
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỞNG HOẠT ĐỘNG QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ THƯỞNG CHO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN...

Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán phải quy định chi tiết về thưởng hoạt động như sau:

Thưởng hoạt động chỉ được trả cho công ty quản lý quỹ... nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán... do công ty quản lý quỹ... quản lý cao hơn chỉ số căn bản (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thưởng hoạt động mà công ty quản lý quỹ... sẽ nhận được bằng x% của phần vượt trội L_i (sẽ diễn giải dưới đây) giữa giá trị tài sản ròng trên một cổ phiếu... và chỉ số căn bản trong năm tài chính, khi giá trị tài sản ròng trên một cổ phiếu... tăng ít nhất y% so với chỉ số căn bản.

(Chỉ số căn bản sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán phụ thuộc vào loại công ty đầu tư chứng khoán. Đối với công ty đầu tư chứng khoán, chỉ số căn bản là chỉ số thị trường chứng khoán. Đối với công ty đầu tư chứng khoán trái phiếu, chỉ số căn bản là chỉ số thị trường trái phiếu hoặc lợi nhuận của một loại trái phiếu có thời gian đáo hạn tương đương phù hợp. Thưởng hoạt động nằm trong danh mục các khoản phải trả sau và được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán. Việc xác định và thanh toán thưởng hoạt động chỉ thực hiện sau khi đã xem xét và cân đối tất cả các khoản thanh toán khác. Ví dụ: thưởng hoạt động sẽ được trả cho công ty quản lý quỹ khi giá trị tài sản ròng trên một cổ phiếu tăng hơn 1,5% so với chỉ số thị trường chứng khoán Việt Nam VNI... và bằng 20% phần tăng trưởng vượt trội này (x = 20%, y = 1,5%).

Phụ lục III

MẪU BẢN CÁO BẠCH QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. Tên của Quỹ, số Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng:

2. Loại hình Quỹ:

3. Ngày đăng ký Bản cáo bạch với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

4. Thời hạn hiệu lực của Bản Cáo bạch:

5. Tiêu đề của Bản cáo bạch:

6. Thông cáo nội dung sau:

"*Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày...*

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ liên lạc của người phụ trách công bố thông tin:

8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, hình thức cung cấp các tài liệu này (trụ sở chính, chi nhánh Công ty, Website...):

MỤC LỤC

Trang

Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch
Các thuật ngữ/định nghĩa
Cơ hội đầu tư
Thông tin về công ty quản lý quỹ
Thông tin về ngân hàng giám sát dự kiến
Thông tin về tổ chức khác có liên quan
Các thông tin về quỹ đầu tư
Thông tin chung về quỹ
Điều lệ quỹ tóm tắt
Mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư
Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư
Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ
Nguyên tắc xác định giá giao dịch
Giá dịch vụ
Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế
Đại hội nhà đầu tư
Ban đại diện quỹ
Công ty quản lý quỹ
Ngân hàng giám sát
Các rủi ro của Quỹ
Phát hành lần đầu và giao dịch các lần tiếp theo
Tình hình hoạt động của quỹ
Báo cáo tài chính
Giá dịch vụ và thưởng hoạt động
Các chỉ tiêu hoạt động
Dự báo kết quả hoạt động của quỹ
Xung đột lợi ích
Chế độ báo cáo
Địa chỉ liên lạc giải đáp thắc mắc cho nhà đầu tư
Cam kết
Phụ lục đính kèm

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

Ông/Bà:..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên

Ông/Bà:..... Chức vụ: Tổng Giám đốc (Giám đốc)

Ông/Bà:..... Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:.....

Chức vụ:

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do *(tên Công ty quản lý quỹ)* lập sau khi có xác nhận của *(tên Ngân hàng giám sát)*. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do *(tên các tổ chức liên quan)* cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Phần này dành để giải thích các thuật ngữ/định nghĩa dùng trong Bản cáo bạch.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ

Tên công ty:

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):

Thời hạn hoạt động (nếu có):

Vốn điều lệ:

Cổ đông/thành viên góp vốn của công ty quản lý quỹ:

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên góp vốn khi thành lập:

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên góp vốn sở hữu từ 5% trở lên vốn điều lệ:

Giới thiệu về Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

Giới thiệu về Ban điều hành công ty quản lý quỹ (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

Giới thiệu về Hội đồng đầu tư (thông tin tóm tắt các thành viên).

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ

- Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ (kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính...) của 05 năm gần nhất so với ngày đưa thông tin vào Bản cáo bạch;

- Các quỹ mà Công ty đang quản lý (nêu chi tiết danh sách, tên quỹ, loại hình quỹ...);

- Yêu cầu: nêu rõ nguồn gốc, thời gian cung cấp các thông tin trên; nêu rõ các thông tin về hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai;

- Trong Bản cáo bạch không được cung cấp vì mục đích riêng, theo xu hướng thổi phồng các thành công và che đậy thất bại đối với các thông tin về tình hình hoạt động, kinh nghiệm quản lý quá khứ cũng như hiện tại của Công ty quản lý quỹ, tình hình hoạt động quá khứ cũng như hiện tại của các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ đang quản lý.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng:

Giấy phép thành lập số:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Thời hạn hoạt động (nếu có):

Lĩnh vực hoạt động chính:

VI. TỔ CHỨC QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN (áp dụng đối với quỹ đầu tư bất động sản)

Tên đầy đủ:

Tên viết tắt:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Thời gian hoạt động (nếu có):

Kinh nghiệm của tổ chức quản lý bất động sản trong việc quản lý, vận hành và khai thác bất động sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán.

VII. DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ (áp dụng đối với quỹ đầu tư bất động sản)

Tên đầy đủ:

Tên viết tắt:

Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Thời gian hoạt động (nếu có):

Kinh nghiệm của công ty trong hoạt động định giá giá trị bất động sản.

VIII. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Tên công ty:

Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Thời gian hoạt động (nếu có):

IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ được lựa chọn bao gồm:

Tên:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối:

Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

X. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(dịch vụ ủy quyền bao gồm: dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật)

- Tên tổ chức được ủy quyền:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Thời gian hoạt động:

- Lĩnh vực hoạt động chính:

- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền (liệt kê những điều khoản trong hợp đồng)

- Chi phí phải thanh toán..... hình thức thanh toán

XI. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ (nếu có)

2. Điều lệ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu và Điều lệ Quỹ cập nhật trong các lần công bố Bản cáo bạch tiếp theo (nếu thay đổi)

Tóm tắt Điều lệ Quỹ với các thông tin chính sau đây:

2.1. Các điều khoản chung

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

- Mục tiêu đầu tư

- Chiến lược đầu tư

- Tài sản được phép đầu tư

- Cơ cấu đầu tư

- Các hạn chế đầu tư

- Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- Phương pháp lựa chọn đầu tư

- Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

2.3. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư

- Nhà đầu tư

- Điều kiện góp vốn, điều kiện thanh toán áp dụng đối với nhà đầu tư góp vốn vào quỹ ETF (đối với quỹ ETF)

- Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

- Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

- Quyền biểu quyết của nhà đầu tư

- Các trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ và quyền của nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

2.4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ (áp dụng đối với quỹ mở, quỹ ETF)

- Quy trình nhận lệnh bán, điều kiện thực hiện lệnh bán

- Quy trình nhận lệnh mua, điều kiện thực hiện lệnh mua

- Quy trình nhận lệnh chuyển đổi, điều kiện thực hiện lệnh chuyển đổi

- Các trường hợp tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch

2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ (áp dụng đối với quỹ mở, quỹ ETF)

- Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch trên một đơn vị quỹ

- Hình thức công bố thông tin về các giá giao dịch, nơi công bố thông tin, tần suất công bố thông tin

- Thông tin về các mức giá dịch vụ: giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi

2.6. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà quỹ phải trả

- Giá dịch vụ quản lý quỹ

- Giá dịch vụ giám sát

- Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật

- Các loại giá dịch vụ, chi phí hạch toán vào quỹ; các loại giá dịch vụ, chi phí mà nhà đầu tư phải thanh toán

2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

- Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của quỹ

- Chính sách thuế: thuế áp dụng đối với quỹ, thuế thu nhập đối với nhà đầu tư (hình thức thanh toán: khấu trừ tại nguồn hoặc nhà đầu tư tự thanh toán)

2.8. Đại hội nhà đầu tư

- Đại hội người đầu tư thường niên, bất thường

- Quyền hạn và nhiệm vụ Đại hội nhà đầu tư

- Thể thức tiến hành Đại hội nhà đầu tư

- Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

2.9. Ban đại diện quỹ

- Tổ chức Ban đại diện quỹ (danh sách ban đại điện quỹ)

- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

- Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ

- Chủ tịch Ban đại diện quỹ

- Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

- Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

- Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Ban đại diện quỹ

- Biên bản họp Ban đại diện quỹ

2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

- Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

- Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ

- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty quản lý quỹ

- Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý quỹ

2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát

- Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

- Trách nhiệm, quyền hạn của ngân hàng giám sát

- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát

2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

3.1. Rủi ro thị trường

3.2. Rủi ro lãi suất

3.3. Rủi ro lạm phát

3.4. Rủi ro thanh khoản

3.5. Rủi ro pháp lý

3.6. Rủi ro tín nhiệm

3.7. Rủi ro xung đột lợi ích

3.8. Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà quỹ dự kiến đầu tư)

3.9. Rủi ro cá biệt

3.10. Rủi ro khác.

4. Các thông tin đầu tư khác

XII. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

2. Phương án phát hành lần đầu

- Tên quỹ:

- Loại hình:

- Thời hạn hoạt động của Quỹ:

- Mục tiêu/chiến lược đầu tư:

- Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư:

- Các sản phẩm dự kiến đầu tư:

- Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư:

- Cơ cấu đầu tư:

- Số lượng/số lô đơn vị quỹ dự kiến chào bán (hoặc số lượng đơn vị quỹ/số lô đơn vị quỹ tối đa và tối thiểu dự kiến chào bán):

- Thời hạn phát hành trong lần phát hành lần đầu, gia hạn thời hạn phát hành Chứng chỉ Quỹ:

- Mệnh giá:

- Giá phát hành:

- Giá dịch vụ phát hành:

- Đơn vị tiền tệ:

- Số lượng đăng ký tối thiểu:

- Phương thức phân bổ chứng chỉ quỹ lần đầu: (Tổng số tiền đầu tư ban đầu - Giá dịch vụ phát hành lần đầu (x%)):

- Mệnh giá:

- Thời hạn xác nhận giao dịch của nhà đầu tư:

- Phương thức và hình thức thanh toán:

- Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu:

- Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối:

- Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành:

- Tiêu chí, điều kiện đối với nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ:

3. Giao dịch chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo (áp dụng đối với quỹ mở, quỹ ETF)

- Thời gian giao dịch sau đợt phát hành lần đầu:

- Ngày giao dịch:
- Giá bán:
- Giá mua lại:
- Giá dịch vụ mua lại:
- Giá dịch vụ phát hành:
- Giá dịch vụ chuyển đổi:
- Số lượng đăng ký giao dịch mua/bán tối thiểu:
- Thời gian đóng sổ lệnh:
- Thời hạn xác nhận giao dịch:
- Thời hạn thanh toán cho nhà đầu tư:
- Tần suất giao dịch của quỹ:
- Phương thức giao dịch:
- Hủy lệnh giao dịch:
- Giao dịch chuyển đổi quỹ:
- Tạm dừng giao dịch:
- Địa điểm và đại lý phân phối:

4. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4.1. Tần suất xác định giá trị tài sản ròng

4.2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4.3 Công bố giá trị tài sản ròng

5. Niêm yết, hủy niêm yết chứng chỉ quỹ (áp dụng đối với quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ ETF)

6. Thông tin hướng dẫn tham đầu tư vào quỹ đầu tư

XIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính (cập nhật hằng năm)

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ (cập nhật hằng năm)

3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động

a) Giá dịch vụ quản lý quỹ, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng

b) Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký

c) Giá dịch vụ quản lý bất động sản (áp dụng đối với quỹ bất động sản)

d) Giá dịch vụ định giá bất động sản (áp dụng đối với quỹ bất động sản)

đ) Các loại giá dịch vụ khác (giá dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, định giá...)

e) Các thông tin khác.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

Nêu rõ phương thức tính các khoản thu nhập của Quỹ; kế hoạch và phương thức phân chia lợi nhuận của Quỹ cho các nhà đầu tư.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Trong Bản cáo bạch có thể đưa ra các dự báo, ước đoán về tình hình chung của nền kinh tế, của thị trường chứng khoán, các xu hướng phát triển kinh tế... nhưng phải nêu rõ các dự báo, ước đoán trên không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ. Bản cáo bạch phải nêu rõ các căn cứ để đưa ra các dự báo trên.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

XIV. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH (Nêu ra nguyên tắc trong việc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra)

XV. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Nêu rõ nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trong việc cung cấp Bản cáo bạch, báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động tháng, quý, năm cho người đầu tư của Quỹ.

XVI. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Ghi rõ thông tin về địa chỉ, số điện thoại liên lạc để các nhà đầu tư có thể tiếp xúc với Công ty quản lý Quỹ nhằm giải đáp các thắc mắc liên quan đến Quỹ.

XVII. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVIII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ
2. Phiếu đăng ký mua/bán chứng chỉ quỹ
3. Địa chỉ các nơi Bản cáo bạch được cung cấp
4. Dự thảo Điều lệ quỹ đầu tư
5. Các phụ lục khác

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH (NẾU CÓ)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 443 + 444)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng